

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10- 2019

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh;
2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị BH, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 241 ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Chị BH có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 20A ấp B, xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp ; Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình xét xử, chị Trần Thị BH trình bày: Chị BH và anh Lê Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 đến ngày 14/3/2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 15.

Thời gian chung sống chị BH và anh T sống hạnh phúc khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng, đến tháng 10 năm 2017 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt và đi chơi về khuya không quan tâm đến vợ con. Từ khi ly thân đến nay anh T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Khi chị BH nộp đơn khởi kiện tại Tòa án huyện LV yêu cầu ly hôn với anh T, anh T có biết nhưng không chịu đến Tòa án mà nhiều lần điện thoại cho chị BH và dùng lời lẽ xúc phạm và anh T nói với chị BH đem đơn về nhà thì đồng ý ký đơn ly hôn. Có lần anh T đến trước cổng công ty của chị BH làm việc và có đánh chị BH một bạt tay cho rằng chị BH có quen với người đàn ông khác nhưng chỉ là lời nói của anh T chứ chị BH không có quen ai khác, khi anh T đánh chị BH chỉ có bạn bè anh T ở đó nên chị BH không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ đối với những người này. Nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên:

+ Về hôn nhân: Chị BH yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh T.

+ Về nuôi con chung: Chị BH yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên K, sinh ngày 31/3/2017; chị BH không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị BH. Vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh T không phụ lo bất cứ chi phí nào để nuôi con, chỉ có mẹ ruột anh T đến rước cháu về nhà anh T chơi vài lần và mỗi lần như thế mẹ anh T có cho tiền cháu khoảng 100.000 đến 200.000 đồng. Khi vợ chồng không còn chung sống chị BH là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì anh T không có nghề nghiệp, không lo làm để có thu nhập mà thường uống rượu đi chơi. Nghề nghiệp của chị BH hiện nay là làm công ty thủy sản ở thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, mỗi tháng lương của chị BH trên 8.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về chia tài sản: Chị BH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị BH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị BH. Giao con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 31/3/2017 cho chị BH trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng; tài sản và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Trần Thị BH khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị BH và anh T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số 20A ấp B, xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh T, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Do vậy việc chị Trần Thị BH và anh Lê Minh T đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên sau khi kết hôn, từ việc tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh T không cùng chị BH chia sẻ công việc gia đình, mà chị BH trình bày là anh T thường xuyên nhậu nhẹt và đi chơi về khuya không quan tâm đến vợ con và từ khi ly thân đến nay anh T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hành động và việc làm của anh T vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân giữa chị BH và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và xa nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị BH không đồng ý đoàn tụ gia đình mà yêu cầu được ly hôn với anh T.

Đối với anh T, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt. Anh T biết được việc chị BH yêu cầu ly hôn anh T với những lý do trên nhưng không gửi văn bản cho biết ý kiến, cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, điều đó cho thấy anh T đã bỏ mặc không quan tâm đến cuộc hôn nhân này và cũng không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những căn cứ trên xét yêu cầu ly hôn của chị BH phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Trần Thị BH và anh Lê Minh T.

[3] Về nuôi con chung

Xét thấy cháu Lê Minh K, sinh ngày 31/3/2017 đúng là con chung của chị BH và anh T, được chị BH thừa nhận và có giấy khai sinh của Lê Minh K để chứng minh. Thời gian chị BH và anh T xa nhau, cháu K do chị BH trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo, hiện cháu K do chị BH nuôi dưỡng phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa. Vì vậy, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh K của chị BH là có căn cứ, phù hợp Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao con chung Lê Minh K, sinh ngày 31/3/2017 cho chị Trần Thị BH trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị BH cùng các Thành viên trong gia đình không cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con con chung tên K là phù hợp Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận.

Do chị BH không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị BH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 96, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị BH và anh Lê Minh T.

2. Về nuôi con chung

2.1. Giao con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 31/3/2017 cho chị Trần Thị BH trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu K hiện đang do chị BH nuôi dưỡng).

2.2. Chị Trần Thị BH không yêu cầu anh Lê Minh T có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu K, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Chị Trần Thị BH và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị BH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/0006119 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị BH đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- UBND xã M;
- (GCNKH số 15 ngày ĐK 14/3/2017)
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến